

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM
Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày: 17- 01- 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tỷ

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông U Minh Nam

2/ Ông Nguyễn Đăng Hay

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2020/HSST ngày 07 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 07/01/2020 đối với các bị cáo:

1. V; sinh ngày 21 tháng 02 năm 1987 tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn 3, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A và bà B; vợ: C, sinh năm 1989 (không có đăng ký kết hôn); có 01 con chung sinh năm 2018; nhân thân: Ngày 08/10/2004 bị cáo bị Công an huyện ST, tỉnh Kon Tum bắt về hành vi trộm cắp vật và đưa vào Trường giáo dưỡng số 3 huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với thời gian 03 năm. Ngày 30/10/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 04 năm tù, về tội “*Cướp tài sản*”, ngày 25/06/2015, bị cáo V chấp hành xong hình phạt tù (đã xóa án tích); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày từ ngày 01/07/2019 đến nay có mặt.

2. D; sinh năm 1988 tại tỉnh Kon Tum. Nơi cư trú: Làng Kà Đừ, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Ja Rai; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông L và bà M; vợ là N, sinh năm 1987 và 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2013; nhân thân: Ngày 31/03/2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Kon Tum xử phạt 14 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” ngày 09/03/2010 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/08/2019 đến nay có mặt.

3. E; sinh năm 1987 tại tỉnh Kon Tum. Nơi cư trú: Làng Kà Đừ, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Ja Rai; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông E1 và bà E2 (đã chết); vợ là E3, sinh năm 1990 và 05 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/08/2019 đến nay có mặt.

4. G; sinh ngày 08 tháng 8 năm 1997 tại tỉnh Kon Tum. Nơi cư trú: Làng Lung, xã Y1, huyện ST, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Ja Rai; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông G1 và bà G2; vợ là G3; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/08/2019 đến nay có mặt.

- *Trợ giúp viên pháp lý cho các bị cáo D, E, G:* Bà H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: Số 211 đường HĐ, thành phố KT, tỉnh Kon Tum.

- *Người bị hại:* W; sinh năm 1994 (Đã chết).

Đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp của bị hại là anh X. (có mặt)

Trú tại: Làng Kà Đừ, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông L. (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 3, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo ủy quyền của ông L là chị T4. (có mặt)

Trú tại: Thôn 2, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum.

+ Ông Y1. (có mặt)

Trú tại: Thôn 3, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum.

- *Người làm chứng:*

+ Chị L3. (có mặt)

Trú tại: Thôn 3, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum.

+ Bà Z. (có mặt)

Trú tại: Thôn 3, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11h00' ngày 01/07/2019, V đi đến nhà ông Y1 (cha vợ của V) với mục đích là đưa vợ và con về nhà. Tại nhà ông Y1, V gặp vợ tên là L3, V nói là “cho con ăn cá con ỉa chảy, mày đưa thằng cu tao nuôi, tao không nuôi tao cho người ta nuôi” nói xong V vào trong nhà lấy quần áo của con. Thấy vậy, L3 đã

bồng con đi tìm ông Y1(lúc này ông Y1không có ở nhà) tìm được ông Y1, L3 nói “*Ba ơi về nhà thử anh V đến đón cháu A Phúc Thịnh đi*” nghe con gái nói vậy ông Y1không về nhà của mình mà đi đến nhà A Đa, lúc này tại nhà A Đa gồm có: A Ruch, D, E, A Wing, G đều ở cùng làng đang ngồi uống rượu. Ông Y1nói với A Đa, A Ruch, D, E, G và Wlà “*đi cứu giúp mẹ con vợ V, V đòi con về nuôi*” khi nghe ông Y1 nói vậy thì D, E, Wvà G đi đến nhà ông Y1thì gặp V đang ở trong nhà, Wnói “*sao mày lại đón con mày về*” và D nói tiếp “*mày mua quần áo cho con thì đừng có mà đòi*”, V trả lời “*tao sợ mày thích đánh nhau à*” nghe V nói vậy D đã dùng chân trái của mình đạp một cái vào vùng ngực V, bị D đánh V đã bỏ chạy về nhà cha, mẹ đẻ của mình là ông L, bà T4, cách nhà ông Y1 khoảng 20m. Khi V đã bỏ chạy, lúc này tại nhà ông Y1, Wđã lấy 01 con dao dài 86cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 37cm, mũi dao bằng, phần rộng nhất của lưỡi dao là 05cm, phần hẹp nhất 4,7cm, cán dao bằng gỗ dài 49cm cầm trên tay. D chạy ra lề đường hai tay lượm 02 cục đá, E và G mỗi người lượm 01 cục đá, rồi cùng nhau rượt đuổi theo V vào nhà ông L. V chạy về đến nhà ông L thì đi ra phía sau nhà vào trong chuồng heo lấy 01 cây dao móc tự chế dài 2,04m, lưỡi nhọn bằng kim loại dài 16cm, phần rộng nhất của lưỡi là 06cm, cán làm bằng tre dài 1,88m cầm đi vào phòng bếp và dựng cây dao móc gần cửa phòng bếp thông với phòng khách trong nhà, mục đích là để phòng thân, do V sợ nhóm người D, W vào nhà tiếp tục đánh mình và V đi lên phòng khách (lúc này cửa phòng khách đang đóng kín) thì V nghe tiếng ồn ào ở ngoài sân trước nhà, V quay lại cầm cây dao móc đi đến cửa bếp, ra đường luồng gần bộ phản dùng để ngồi uống nước thì phát hiện W tay cầm dao đi vào đường luồng, còn D, E và G tay cầm đá đứng ngoài sân, liền lúc đó W tay cầm dao xông vào, đuổi V vào trong bếp chém V một phát, V đã né được nên không trúng, lúc này với tư thế của V tay trái cầm cán dao móc, mũi dao móc hướng về phía W, người và mặt hướng về phía sau bếp, V đã xoay người lại hướng đối diện với W đang lao vào, hai tay cầm cán cây dao móc đâm một phát về phía W và trúng vào vùng cổ W, W tiếp tục vung dao chém V phát thứ hai nhưng không trúng, V cúi người xuống tiếp tục dùng dao móc đâm phát thứ hai về phía W trúng vào vùng ngực. Lúc này, bà T4 (mẹ của V) đang ngủ trưa ở trong nhà nghe ồn ào thì chạy ra nhìn thấy V cầm cây dao móc và W tay cầm dao đang đâm, chém nhau tại phòng bếp ăn nên bà Thủy đã la lớn, đuổi hai người ra khỏi nhà.

Khi bị V đâm hai nhát vào người, W đã bỏ chạy và vứt dao ở trước cửa bếp, chạy về đến sân nhà ông Y1 thì gục ngã. D, E và G cầm đá ném vào trong nhà ông L nhưng không trúng V. Nhìn thấy W bị thương, chảy nhiều máu R2 đã lấy xe mô tô của mình cùng D chở W đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện ST, tỉnh Kon Tum. Do vết thương quá nặng nên đã chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum cấp cứu sau đó thì tử vong. Trong ngày 01/07/2019, V bị Cơ quan CSĐT, Công an huyện ST, tỉnh Kon Tum bắt khẩn cấp, sau đó chuyển vụ việc

cho Cơ quan CSĐT, Công an tỉnh Kon Tum thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. (Các bút lục số: 118 – 184).

Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 53/TT-TTPY ngày 05/07/2019 của Trung Tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Kon Tum, kết luận:

1. Dấu hiệu qua giám định:

- Vùng, đầu, mặt: Hai mắt nhắm, miệng khép, tai - mũi - miệng không có máu, cơ thể có hình xăm màu xanh.

- Cổ: Vết thương vùng 1/3 dưới cổ bên trái đến 1/3 trên ngực bên trái, kích thước (09 x 0,2)cm, bờ mép sắc gọn còn chỉ khâu.

- Ngực: Vết thương ngực bên trái cách xương ức 10cm ngang qua gian sườn số 4,5 sát bờ dưới núm vú bên trái đến đường nách trước cách hõm nách 05cm, vết thương kích thước (12x0,2)cm, bờ mép sắc gọn còn chỉ khâu; và tại đường nách sau ngang qua gian sườn số 4,5 bên trái vết thương kích thước (02x0,1)cm, bờ mép sắc gọn còn chỉ khâu.

- Tay: 1/3 giữa mặt ngoài cẳng tay phải có vết thương kích thước (02 x 0,1)cm, còn chỉ khâu.

- Chân: Ngón I, II, III bàn chân bên trái có vết thương (bào mòn) kích thước (04 x 0,5)cm. Hai chân không có dấu hiệu gãy xương.

- Cắt chỉ mở rộng vết thương vùng cổ bên trái kiểm tra thấy tổ chức da mô cơ bầm tụ máu, bóc tách cân cơ thấy đứt động mạch cảnh bên trái.

- Cắt chỉ mở rộng vết thương vùng ngực từ dưới núm vú đến đường nách giữa bên trái kiểm tra thấy tổ chức mô cơ bầm tụ máu và mẻ sườn xương sườn số 5 bên trái, vết thương xuyên từ trước ra sau, từ trong ra ngoài.

- Rạch da đường giữa từ hõm cổ đến xương ức mở ngực kiểm tra thấy tổ chức da mô cơ không bầm tụ máu, cắt sụn sườn hai bên bộc lộ hai phổi thấy:

+ Khoảng lồng ngực bên trái có máu không đông, số lượng khoảng 100ml.

+ Vết thương xuyên từ 1/3 dưới cổ bên trái qua thành ngực qua đỉnh phổi đến cuống phổi bên trái kích thước (02x0,2)cm và xung quanh vết thương có vết bầm tụ máu cuống phổi bên trái kích thước (04x02)cm, hướng vết thương từ trên xuống dưới, từ trước ra sau.

2. Nguyên nhân chết: Của W, mất máu cấp không phục hồi/vết thương đứt động mạch cảnh trái + vết thương thấu phổi trái. (Bút lục số: 10-11).

Ngày 29/11/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum có Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số: 16/HSST-QĐ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum. Đến ngày 06 tháng 01 năm 2020 Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành cáo trạng số 05/CT-VKS-P2 truy tố bị cáo V về tội “*Giết người*” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, các bị cáo D; E; G về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên cáo trạng số: 05/CT-VKS-P2 ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố đối với các bị cáo V; D; E và G.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 2 Điều 123, điểm b, e, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V từ 07 đến 08 năm tù về tội “*Giết người*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo E, D và G từ: 24 đến 30 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX tuyên tịch thu, tiêu hủy các vật chứng do không còn giá trị sử dụng gồm: Một cây dao mác tự chế dài 2,04m, lưỡi nhọn bằng kim loại dài 16cm, phần rộng nhất của lưỡi là 06cm, cán làm bằng tre dài 1,88m; 01 con dao có chiều dài 86cm, lưỡi dao bằng kim loại; mũi dao bằng dài 37cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 05cm, phần hẹp nhất 4,7cm, cán dao bằng gỗ dài 49cm; 03 cục đá không rõ hình; 01 áo sơ mi; 01 chiếc dép; 01 mũ lưỡi trai.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, đại diện gia đình bị hại W là ông A Giới anh ruột của bị hại có yêu cầu bồi thường tiền chi phí mai táng là 102.540.000đ và tiền tổn thất tinh thần là 120.000.000đ, tổng cộng là 222.540.000đ, đến nay bị cáo V đã tác động gia đình đã bồi thường được số tiền là: 20.000.000đ, gia đình bị hại đã giảm số tiền xuống là 165.000.000 đồng trừ đi 20.000.000 đồng còn lại 145.000.000 đồng. Đề nghị HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự để giải quyết.

Về án phí: Bị cáo V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho các bị cáo E, D và G do các bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo D, E, G: Việc dùng đá ném vào nhà ông L là bố của bị cáo V đã gây mất trật tự công cộng, hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, bị cáo D có hành vi tích cực hơn so với hai bị cáo còn lại. Tuy nhiên thấy rằng các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội của các bị cáo chưa gây thiệt hại. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo D 24 tháng tù; bị cáo G 18 tháng tù; bị cáo E 18 tháng tù. Về án phí theo quy định của pháp luật thì các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho người bị hại là anh A Giới: Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V,

riêng về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo V phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 145.000.000 đồng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Sau khi được ông Y1(bố vợ của bị cáo V) nhờ ngăn cản không cho bị cáo V đưa con về nhà nên khi đến nhà ông Y1, các bị cáo D, E, G và người bị hại W đã có lời qua tiếng lại với bị cáo V, trong đó bị cáo D đã dùng chân đạp bị cáo V một cái vào ngực, sau đó bị cáo V bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình. Tại nhà ông Y1 bị hại W đã lấy 01 con dao dài 86 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 37cm, các bị cáo D, E và G lượm mỗi người một cục đá rồi cùng nhau rượt đuổi theo bị cáo V vào nhà ông Lực. Khi về đến nhà bị cáo V đã lấy 01 cây dao mác tự chế dài 2,04m, lưỡi nhọn bằng kim loại dài 16cm, phần rộng nhất của lưỡi là 06cm, cán làm bằng tre dài 1,88m cầm đi vào phòng bếp và dựng cây dao mác gần cửa phòng bếp, mục đích là để phòng thân. Sau khi phát hiện W tay cầm dao đi vào đường lòng, còn các bị cáo D, E và G tay cầm đá đứng ngoài sân, liền lúc đó W tay cầm dao xông vào, đuổi V vào trong bếp chém V một phát không trúng, bị cáo V đã xoay người lại hướng đối diện với W đang lao vào, hai tay cầm cán cây dao mác đâm một phát về phía W và trúng vào vùng cổ W, W tiếp tục vung dao chém bị cáo V phát thứ hai nhưng không trúng, bị cáo V cúi người xuống tiếp tục dùng dao mác đâm phát thứ hai về phía W trúng vào vùng ngực. Hậu quả, bị hại W chết do mất máu cấp không phục hồi vết thương đứt động mạch cảnh trái + vết thương thấu phổi trái nên đã tử vong.

Tại phiên tòa, người làm chứng chị L3 khai: Khi tới nhà ông Y1, bị cáo V đã có hành vi dùng chân đá vào người bị hại W trước, sau đó hai bên mới xảy ra cãi nhau. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo D khai: Khi đứng

trước công nhà ông Lực bị cáo thấy bị hại W chém bị cáo V trước, sau đó bị cáo V mới đâm bị hại W. Ngoài ra, các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện bị hại W đã dùng dao xông vào đường luồng và chủ động đuổi bị cáo V vào bếp, vùng dao chém bị cáo V trước nhưng không trúng.

Do đó, cáo trạng số 05/CT-VKS-P2 ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo V về tội “*Giết người*” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 BLHS năm 2015, các bị cáo D, E và G đã phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Hành vi của bị cáo V là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tính mạng của người khác trái pháp luật, gây mất trật tự trị an, trước đó bị cáo đã từng bị kết án nhưng bị cáo không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện mà tiếp tục phạm tội là thể hiện ý thức xem thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Tuy nhiên, hậu quả xảy ra cũng có một phần lỗi do người bị hại. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả mà bị cáo đã gây ra mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân sống biết tuân thủ pháp luật.

Hành vi của các bị cáo D, E, G là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, trong đó bị cáo D thực hiện hành vi tích cực nhất, còn E, G chỉ đóng vai trò thứ yếu. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục các bị cáo biết tôn trọng pháp luật, cũng như giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với các bị cáo:

- Đối với bị cáo V:

+ Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, Ngày 08/10/2004, bị Công an huyện ST, tỉnh Kon Tum bắt về hành vi trộm cắp vật và đưa vào Trường giáo dưỡng số 3 huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với thời gian 03 năm, ngày 30/10/2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 04 năm tù, về tội “*Cướp tài sản*”.

+ Các tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

+ Các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền là 20.000.000 đồng. Ngoài ra, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp cho người bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

- Đối với bị cáo D:

+ Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Ngày 31/03/2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Kon Tum xử phạt 14 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” ngày 09/03/2010 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

+ Các tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

+ Các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

- Đối với bị cáo G, E:

+ Nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân tốt.

+ Các tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

+ Các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Ngoài ra, các bị cáo phạm tội gây rối trật tự công cộng là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành và chỉ đóng vai trò thứ yếu. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp của bị hại là anh X yêu cầu bị cáo phải bồi thường tất cả các khoản tiền liên quan đến cái chết của bị hại là anh W số tiền là 165.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 20.000.000 đồng nên còn phải bồi thường 145.000.000 đồng. Yêu cầu của anh X đã được bị cáo chấp nhận. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên. Buộc bị cáo V phải tiếp tục bồi thường cho đại diện hợp pháp cho người bị hại số tiền là 145.000.000 đồng.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L và bà T1 đã bồi thường thay cho bị cáo nhưng không yêu cầu bị cáo phải trả lại. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Về vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã thu giữ: 01 Một cây dao mác tự chế dài 2,04m, lưỡi nhọn bằng kim loại dài 16cm, phần rộng nhất của lưỡi là 06cm, cán làm bằng tre dài 1,88m; 01 con dao có chiều dài 86cm, lưỡi dao bằng kim loại; mũi dao bằng dài 37cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 05cm, phần hẹp nhất 4,7cm, cán dao bằng gỗ dài 49cm; 03 cục đá không rõ hình thù; 01 áo sơ mi; 01 chiếc dép; 01 mũ lưỡi trai.

Xét thấy đây là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Trong vụ án này, còn có ông Y1 là người đến nhờ các bị cáo G, D, E đến nhà để giúp ngăn cản bị cáo V không mang cháu PT (con của L3 và V) đi. Tuy nhiên, ông Y1 không nói các bị cáo đến nhà để đánh, đuổi V nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Y1. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 giai đoạn 2017 – 2020. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Xét thấy các bị cáo G, D, E là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo V phạm tội “*Giết người*”.

Các bị cáo D, E và G phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Áp dụng: khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo V 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 01/7/2019).

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo D 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 12/8/2019).

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo E 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 12/8/2019).

Xử phạt: Bị cáo G 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 12/8/2019).

2. Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 468, Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo V phải tiếp tục bồi thường cho người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông AB và bà YB, trú tại Làng Kà Đừ, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum số tiền là: 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông AB và bà YB có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được bồi thường mà bị cáo V chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, cho đến khi thi hành án xong số tiền trên.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu tiêu hủy: 01 Một cây dao mác tự chế dài 2,04m, lưỡi nhọn bằng kim loại dài 16cm, phần rộng nhất của lưỡi là 06cm, cán làm bằng tre dài 1,88m; 01 con dao có chiều dài 86cm, lưỡi dao bằng kim loại; mũi dao bằng dài 37cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 05cm, phần hẹp nhất 4,7cm, cán dao bằng gỗ dài 49cm; 03 cục đá không rõ hình thù; 01 áo sơ mi; 01 chiếc dép; 01 mũ lưỡi trai.

(Các vật chứng trên có đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/10/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Quyết định số 900/QĐ –TTg ngày 20/6/2017 về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 giao đoạn 2017 - 2020.

Buộc bị cáo V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 7.250.000 đồng (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn)

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo G, D, E.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17-01-2020), các bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này gửi lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum.
- CA tỉnh KT;
- BC; BH; NLQ;
- TTG Công an tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tỷ